
Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2018.

*“V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”*

**. NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Quân**

2. Ông **Nguyễn Văn Hành**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Hường** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông **Lý Út Hoài** – Kiểm sát viên

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 06.3.2018 về việc "Ly hôn; tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp GC, thị trấn TĐ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà **Quách Mỹ D.1**, sinh năm 1992. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp GC, thị trấn TĐ, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp Chợ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Vào năm 2014 ông và bà Quách Mỹ D.1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau, thường hay cãi nhau và đến tháng 12 năm 2017 hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà D.1 có một con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015, Quốc Đ hiện đang sống với bà D.1. Về

tài sản chung: Vợ chồng có 17 (mười bảy) chỉ vàng 18K và 10 (mười) chỉ vàng 24K, hiện bà Quách Mỹ D.1 đang quản lý. Về nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Quách Mỹ D.1; Về con chung: Ông Nguyễn Quốc D yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015 cho đến đủ 18 tuổi, ông D không yêu cầu bà Quách Mỹ D.1 cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc D yêu cầu chia đôi số tài sản gồm: 17 (mười bảy) chỉ vàng 18K và 10 (mười) chỉ vàng 24K; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Quách Mỹ D.1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian không còn sống chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung đúng như ông Nguyễn Quốc D trình bày. Qua yêu cầu của nguyên đơn bà có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quốc D; Về con chung: Bà Quách Mỹ D.1 yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015 cho đến đủ 18 tuổi, bà D.1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Bà thừa nhận có quản lý số tài sản chung là 17 (mười bảy) chỉ vàng 18K và 10 (mười) chỉ vàng 24K khi vợ chồng ly thân nhưng bà không đồng ý chia vì sau khi ly thân bà đã chi sài hết vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mỗi tháng hơn ba triệu đồng (khoảng 01 chỉ vàng 24K), thời gian ly thân là khoảng 07 tháng, phần còn lại bà đã chi sài hết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi bị đơn trình bày tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện về chia tài sản chung đó là ông chỉ yêu cầu chia số tài sản còn lại sau khi trừ đi chi phí nuôi con trong thời gian ly thân là 07 tháng là 07 chỉ vàng 24K, số vàng còn lại là 03 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, chia tài sản chung và không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu xin được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 08/02/2018, ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Quách Mỹ D.1 có nơi cư trú tại ấp Chợ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án

nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu chia tài sản: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung đó là ông chỉ yêu cầu chia số vàng 03 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Quốc D:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc D và bà Quách Mỹ D.1 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà D.1 là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông D làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng ông D, bà D.1 đoàn tụ với nhau nhưng các bên không thỏa thuận được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông D, bà D.1 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và tại Tòa hôm nay bà D.1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D. Vì vậy, xét việc ông D xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và công nhận thuận tình ly hôn giữa ông D và bà D.1.

[6] Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Quốc D và bà Quách Mỹ D.1 có một người con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015, hiện nay sống chung với bà D.1. Ông D và bà D.1 cùng có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, từ ngày ông D và bà D.1 không còn sống chung cháu Đ do bà D.1 trực tiếp nuôi dưỡng và để đảm bảo cuộc sống của cháu Đ không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý sinh lý của cháu khi cha mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu của bà D.1 là phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà D.1 phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015 cho bà Quách Mỹ D.1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Quách Mỹ D.1 yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung tùy theo khả năng của ông D và ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng và bà D.1 cũng đồng ý số tiền nêu trên. Xét thấy, việc thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với Điều 82 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện nêu trên.

[8] Tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Quách Mỹ D.1 cùng thừa nhận khi ly thân có tài sản chung là 17 (mười bảy) chỉ vàng 18 Kara và 10 (mười) chỉ vàng 24 Kara và do bà D.1 quản lý nhưng tại phiên tòa hôm nay

nguyên đơn chỉ yêu cầu chia tài sản chung còn lại vàng 03 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K (sau khi trừ chi phí nuôi con mỗi tháng 01 chỉ vàng 24K, trong thời gian 07 tháng là 07 chỉ vàng 24K) nhưng bà D.1 không đồng ý chia vì bà cho rằng ngoài số tiền nuôi con thì phần còn lại đã chi sài hết. Xét thấy, việc ông D yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở vì bà D.1 đã thừa nhận khi hai người ly thân bà là người quản lý tài sản trên và sau khi xem xét chi phí nuôi con trong thời gian ly thân là 07 tháng = (07 chỉ vàng 24K). Như vậy tài sản chung còn lại là 17 (mười bảy) chỉ vàng 18 Kara và 03 chỉ vàng 24K cần buộc bà D.1 giao trả lại cho ông D 50% của số tài sản nêu trên là 8,5 chỉ vàng 18K và 1,5 chỉ vàng 24K theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Còn việc bà D.1 cho rằng đã chi sài hết là không cơ sở vì bà D.1 không chứng minh được cho việc chi sài và ông D không thừa nhận.

[9] Về nợ chung: Ông D và bà D.1 cùng xác nhận không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Quốc D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng, án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Ông D và bà D.1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung trên giá trị tài sản được mỗi người được chia là $(1,5 \text{ chỉ vàng } 24K \times 3.515.000 \text{ đồng}/01 \text{ chỉ} = 5.272.500 \text{ đồng}) + (8,5 \text{ chỉ vàng } 18K \times 2.598.500 \text{ đồng}/01 \text{ chỉ} = 22.087.250 \text{ đồng}) = 27.359.750 \text{ đồng}$.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D và bị đơn Quách Mỹ D.1.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Quách Mỹ D.1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Quách Mỹ D.1 và ông Nguyễn Quốc D là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015 đến khi thành niên (hiện nay cháu Đ sống chung với bà Quách Mỹ D.1).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 08/7/2015 đến khi đủ 18 tuổi, cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2018.

- Ông Nguyễn Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Quốc Đ mà không ai được cản trở. Ông Nguyễn Quốc D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Quốc Đ của bà Quách Mỹ D.1.

3. Về tài sản chung: Xác định tài chung của ông Nguyễn Quốc D và bà Quách Mỹ D.1 là 17 chỉ vàng 18K và 03 chỉ vàng 24K, ông D và bà D.1 mỗi người hưởng 50% số tài sản trên. Buộc bà Quách Mỹ D.1 giao cho ông Nguyễn Quốc D 8,5 chỉ vàng 18K và 1,5 chỉ vàng 24K.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Quốc D và bà Bà Quách Mỹ D.1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và 1.367.987 đồng án phí có giá ngạch đối với việc chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.302.538 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009508, ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Quốc D còn phải nộp thêm 665.449 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Quách Mỹ D.1 phải chịu 1.367.987 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề;
- UBND TT TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lý Công Minh